

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP THOÁT NƯỚC
KIÊN GIANG**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)



Phần I

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NỘI DUNG	Trang
PHẦN I	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo của Kiểm toán viên độc lập về Báo cáo tài chính	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 30
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 30
PHẦN II	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ
	31 - 32
PHẦN III	BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ
	33 - 34
PHẦN IV	THƯ QUẢN LÝ
	35 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Kiên Giang được chuyển đổi từ Công ty Cấp thoát nước Kiên Giang theo Quyết định số 1386/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kiên Giang ngày 24 tháng 06 năm 2010. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700105659 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30 tháng 06 năm 2010 và thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 206 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Hoài Phương	Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc
Ông Trần Văn Nhân	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Huỳnh Tâm	Phó Giám đốc
Ông Âu Văn Tâm	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thụy Tố Như	Kiểm soát viên	(Miễn nhiệm ngày 30/07/2016)
Ông Bùi Quốc Vương	Kiểm soát viên	(Bổ nhiệm ngày 05/12/2016)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Hữu Hoài Phương
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Số: 1595/2017/BC.KTTC-AASC.KTI

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 (bao gồm cả số liệu so sánh) không bao gồm số liệu của Ban Quản lý Dự án Cấp nước Phú Quốc ("Ban Quản lý") – Đơn vị trực thuộc Công ty. Nếu Công ty cộng gộp số liệu Ban Quản lý thì chỉ tiêu chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang, phải trả người bán ngắn hạn và phải trả dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 sẽ tăng lên số tiền lần lượt là 16.678.256.454 VND, 4.060.495.694 VND, 837.361.302 VND; Chỉ tiêu phải thu nội bộ dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2016 sẽ giảm đi số tiền là 11.788.924.706 VND và chỉ tiêu chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 sẽ tăng lên số tiền 8.525.248 VND.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán quốc tế ("ISAs"). Trách nhiệm của chúng tôi theo các chuẩn mực này được mô tả trong phần Trách nhiệm của kiểm toán viên đối với việc kiểm toán báo cáo tài chính của báo cáo này. Chúng tôi độc lập với Công ty như theo yêu cầu của Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp dành cho kế toán viên chuyên nghiệp của Ủy ban soạn thảo chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp quốc tế ("Chuẩn mực của IESBA"), và chúng tôi cũng tuân thủ các trách nhiệm về đạo đức nghề nghiệp khác theo các yêu cầu này và theo Chuẩn mực của IESBA. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về Báo cáo tài chính của Công ty không bao gồm số liệu của Ban Quản lý Dự án Cấp nước Phú Quốc. Vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính năm 2016 và được nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Ban Quản trị đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực báo cáo tài chính này phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trách nhiệm này bao gồm việc thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ cần thiết nhằm đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không còn các sai sót trọng yếu gây ra do gian lận hay sai sót.

Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đánh giá khả năng hoạt động liên tục của Công ty, trình bày các vấn đề liên quan đến khả năng hoạt động liên tục khi cần thiết, và lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp Ban Giám đốc có ý định thanh lý Công ty, hoặc chấm dứt hoạt động, hoặc bị buộc chấm dứt hoạt động.

Ban Quản trị chịu trách nhiệm giám sát quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên đối với việc kiểm toán Báo cáo tài chính

Mục tiêu của chúng tôi trong cuộc kiểm toán là thu thập đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên khía cạnh tổng thể, có được lập không có sai sót trọng yếu, do gian lận hoặc nhầm lẫn hay không, và đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi trong báo cáo kiểm toán độc lập. Đảm bảo hợp lý là sự đảm bảo ở mức độ cao, nhưng không chắc chắn rằng cuộc kiểm toán được thực hiện tuân thủ theo ISAs sẽ luôn phát hiện ra sai sót trọng yếu còn tồn tại. Các sai sót có thể phát sinh do gian lận hoặc nhầm lẫn và được coi là trọng yếu nếu, khi xét riêng rẽ hay tổng hợp lại, sai sót đó có thể gây ảnh hưởng tới quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính được đưa ra dựa trên báo cáo tài chính này.

- Phát hiện và đánh giá rủi ro về việc báo cáo tài chính có chứa đựng những sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót, thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm toán phù hợp với các rủi ro này và thu thập các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi. Rủi ro không phát hiện sai sót trọng yếu do gian lận được đánh giá là cao hơn so với rủi ro không phát hiện sai sót trọng yếu do nhầm lẫn, vì gian lận có thể hình thành từ việc thông đồng, giả mạo, cố ý bỏ sót, hiểu sai hoặc không chế kiểm soát nội bộ.
- Thu thập các hiểu biết thích hợp về kiểm soát nội bộ liên quan đến cuộc kiểm toán nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với hoàn cảnh thực tế, nhưng không phục vụ mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.
- Đánh giá tính hợp lý của các chính sách kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng, cũng như đánh giá các thuyết minh trong báo cáo tài chính của Công ty.
- Kết luận về tính phù hợp trong việc sử dụng giả định hoạt động liên tục của Công ty và, dựa trên các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được, kết luận liệu có tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có liên quan đến các sự kiện hoặc điều kiện có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty hay không. Nếu chúng tôi kết luận có tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu, thì trong báo cáo kiểm toán độc lập, chúng tôi phải lưu ý đến các thuyết minh có liên quan của báo cáo tài chính hoặc, nếu yếu tố này không được thuyết minh đầy đủ, chúng tôi phải sửa đổi ý kiến kiểm toán của mình. Kết luận của chúng tôi dựa trên các bằng chứng kiểm toán thu thập được cho đến ngày của báo cáo kiểm toán độc lập. Tuy nhiên, các sự kiện hoặc điều kiện tương lai có thể dẫn đến việc Công ty phải ngừng hoạt động liên tục.
- Đánh giá việc trình bày tổng thể, cấu trúc và nội dung của báo cáo tài chính, bao gồm các thuyết minh, và việc liệu báo cáo tài chính có trình bày các giao dịch và các sự kiện một cách hợp lý.

Chúng tôi đã trao đổi với Ban Quản trị Công ty, cùng với các vấn đề khác, về phạm vi và lịch trình cuộc kiểm toán theo kế hoạch và các phát hiện quan trọng từ cuộc kiểm toán, bao gồm các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ mà chúng tôi phát hiện được trong quá trình kiểm toán.



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0777-2013-002-1
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Diệu Trang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0938-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		123.519.453.797	101.902.179.972
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	74.662.816.513	59.626.112.196
111 1. Tiền		9.162.816.513	12.126.112.196
112 2. Các khoản tương đương tiền		65.500.000.000	47.500.000.000
130 II. Các khoản phải thu ngắn hạn		32.236.250.692	21.780.863.901
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	21.807.641.557	19.857.632.227
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.786.091.948	443.997.441
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	8	4.201.798.988	2.556.358.769
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(559.281.801)	(1.077.124.536)
140 III. Hàng tồn kho	10	14.335.631.952	16.890.323.599
141 1. Hàng tồn kho		14.335.631.952	16.890.323.599
150 IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.284.754.640	3.604.880.276
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	56.000.000	56.000.000
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.228.754.640	3.548.880.276
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		544.670.628.562	527.632.028.945
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		11.788.924.706	7.689.663.561
214 1. Phải thu nội bộ dài hạn	7	11.788.924.706	7.689.663.561
220 II. Tài sản cố định		507.549.137.525	497.158.709.934
221 1. Tài sản cố định hữu hình	12	503.064.276.037	492.506.057.618
222 - Nguyên giá		770.720.826.225	722.396.945.827
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(267.656.550.188)	(229.890.888.209)
227 2. Tài sản cố định vô hình	13	4.484.861.488	4.652.652.316
228 - Nguyên giá		6.119.601.722	6.119.601.722
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(1.634.740.234)	(1.466.949.406)
240 III. Tài sản dở dang dài hạn	11	1.279.408.120	4.963.400.226
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.279.408.120	4.963.400.226
250 IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	14.793.310.000	9.293.310.000
252 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.728.310.000	4.728.310.000
253 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.065.000.000	4.565.000.000
260 V. Tài sản dài hạn khác		9.259.848.211	8.526.945.224
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	14	9.259.848.211	8.526.945.224
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		668.190.082.359	629.534.208.917

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		381.591.585.637	357.245.165.717
310 I. Nợ ngắn hạn		39.202.604.152	41.461.904.443
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn		1.154.778.019	4.827.898.962
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.029.919.084	1.045.831.627
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	657.610.264	2.829.484.660
314 4. Phải trả người lao động		7.265.846.701	7.286.205.204
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	2.868.792.283	2.211.745.982
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.041.264.939	1.669.736.844
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	10.952.790.000	10.952.790.000
322 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		12.231.602.862	10.638.211.164
330 II. Nợ dài hạn		342.388.981.485	315.783.261.274
337 1. Phải trả dài hạn khác	18	990.499.039	528.076.764
338 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	341.398.482.446	315.255.184.510
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		286.598.496.722	272.289.043.200
410 I. Vốn chủ sở hữu	19	286.598.496.722	272.289.043.200
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		246.774.000.000	246.774.000.000
418 2. Quỹ đầu tư phát triển		27.297.152.580	17.463.790.928
421 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.527.344.142	8.051.252.272
421b - LNST chưa phân phối năm nay		12.527.344.142	8.051.252.272
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		668.190.082.359	629.534.208.917

Nguyễn Thái Hoàn

Người lập biểu

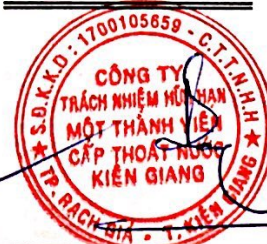
Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Ngô Hoàng Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Hoài Phương

Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	206.490.758.993	168.383.600.611
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		7.337.613	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		206.483.421.380	168.383.600.611
11	4. Giá vốn hàng bán	22	129.663.034.295	112.444.945.941
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		76.820.387.085	55.938.654.670
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	4.495.253.223	4.255.257.068
22	7. Chi phí tài chính		23.063.916.869	15.185.968.018
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		23.063.916.869	15.185.968.018
25	8. Chi phí bán hàng	24	7.634.531.843	7.072.514.831
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	13.682.892.120	8.932.799.414
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.934.299.476	29.002.629.475
31	11. Thu nhập khác	26	3.588.332.331	2.235.785.055
32	12. Chi phí khác		11.200.490	36.328.234
40	13. Lợi nhuận khác		3.577.131.841	2.199.456.821
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		40.511.431.317	31.202.086.296
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	7.733.559.143	6.329.698.033
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>32.777.872.174</u>	<u>24.872.388.263</u>

Nguyễn Thái Hoàn
Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Ngô Hoàng Tuấn
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Hoài Phương
Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		215.269.945.013	174.726.738.429
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(62.542.907.893)	(46.909.599.492)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(43.912.864.549)	(40.361.512.387)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(22.355.439.122)	(13.159.784.099)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.860.000.000)	(6.205.225.977)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.258.115.112	21.773.229.232
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(20.387.769.968)	(25.629.985.966)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		60.469.078.593	64.233.859.740
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(62.366.185.188)	(133.918.380.290)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		70.000.000	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(5.500.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.271.765.248	3.571.307.342
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(63.524.419.940)	(130.347.072.948)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		37.096.087.936	98.411.315.340
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(10.952.790.000)	(10.952.790.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.051.252.272)	(8.435.582.001)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		18.092.045.664	79.022.943.339
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		15.036.704.317	12.909.730.131
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		59.626.112.196	46.716.382.065
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	74.662.816.513	59.626.112.196

Nguyễn Thái Hoàn

Người lập biểu

Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Ngô Hoàng Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Hoài Phương

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Kiên Giang được chuyển đổi từ Công ty Cấp thoát nước Kiên Giang theo Quyết định số 1386/QĐ-UBND của UBND tỉnh Kiên Giang ngày 24 tháng 06 năm 2010. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700105659 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30 tháng 06 năm 2010 và thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 206 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là 157.575.657.614 VND.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất nước sạch, cung cấp lắp đặt và thi công các công trình cấp thoát nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán vật tư ngành nước.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2016, hệ thống cấp nước của Công ty trên đảo Phú Quốc đã đi vào hoạt động ổn định và thường xuyên hoạt động hết công suất. Cùng với việc Ủy Ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt tăng giá nước đã làm cho doanh thu và lợi nhuận của Công ty tăng mạnh so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Ban Quản lý Dự án Cấp nước Phú Quốc (*)	271 Đường Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.	Quản lý Dự án

(*): Ban Quản lý Dự án Cấp nước Phú Quốc là đơn vị trực thuộc Công ty theo Quyết định thành lập số 100/QĐ-CTN ngày 03/11/2010 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang. Theo Quyết định này, Ban Quản lý Dự án Cấp nước Phú Quốc là một tổ chức nghiệp vụ chuyên trách thực hiện quản lý dự án đầu tư xây dựng, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước theo quy định. Chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý dự án là giúp Chủ đầu tư lập kế hoạch quản lý, thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, tiến độ, chất lượng và nguồn lực nêu trong dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các Điều ước ký kết với Ngân hàng thế giới; triển khai tổ chức thực hiện hoàn thành đầy đủ các nội dung của Dự án Cấp nước Phú Quốc (Dự án thành phần thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị Việt Nam - Giai đoạn I).

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty, không bao gồm số liệu của Ban Quản lý Dự án Cấp nước Phú Quốc ("Ban Quản lý").

Toàn bộ vốn cấp cho Ban Quản lý để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao được theo dõi thông qua khoản mục các khoản phải thu nội bộ dài hạn trên Báo cáo tài chính của Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào đơn vị khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 29 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Các tài sản khác	06 năm
- Quyền sử dụng đất	09 - 37 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Từ năm 2015, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2.16 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn. Chi phí này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

11105-C
NG TY
EM HUU HAN
EM TOAN
SC
TP. HA NG

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	446.069.778	1.369.572.344
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.716.746.735	10.756.539.852
Các khoản tương đương tiền (i)	65.500.000.000	47.500.000.000
	74.662.816.513	59.626.112.196

(i): Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,8%/năm và 5,2%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết	4.728.310.000	-	4.728.310.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kiên Giang	4.728.310.000	-	4.728.310.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác	10.065.000.000	-	4.565.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang	4.065.000.000	-	4.065.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Cấp nước Đông Nam Á - Mê Kông Rạch Giá	6.000.000.000	-	500.000.000	-
	14.793.310.000	-	9.293.310.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kiên Giang	Kiên Giang	31,75%	31,75%	Xử lý nước thải, xử lý và thu gom rác thải

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư khác của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang (*)	Kiên Giang	1,71%	1,71%	Xây dựng, thoát nước và xử lý nước thải
Công ty Cổ phần Tư vấn và Cấp nước Đông Nam Á - Mê Kông Rạch Giá	Kiên Giang	10,84%	10,84%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, khai thác, xử lý và cung cấp nước

(*): Trong năm, Công ty đã nhận được 78.750 cổ phiếu thưởng của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ban Quản lý dự án lấn biển	-	2.655.752.208
Các khoản phải thu khách hàng khác	21.807.641.557	17.201.880.019
	21.807.641.557	19.857.632.227

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng An Duyệt	948.551.203			
Công ty TNHH Công trình Cấp thoát nước và Hạ tầng Đô thị M.A.T	1.299.574.054	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Sản xuất Thiết bị Ngành nước	4.135.751.200	-	-	-
Các đối tượng khác	402.215.491	-	443.997.441	-
	6.786.091.948	-	443.997.441	-

7 . PHẢI THU NỘI BỘ DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu Ban quản lý Dự án Cấp nước Phú Quốc (i)	11.788.924.706	7.689.663.561
	11.788.924.706	7.689.663.561

(i): Đây là số tiền đã cấp cho Ban quản lý để thực hiện Dự án Cấp nước và Nước thải Đô thị, sau khi trừ đi giá trị tài sản tạm tăng mà Ban quản lý Dự án đã bàn giao cho Công ty và thuế Giá trị gia tăng đầu vào Ban quản lý chuyển lên Công ty để làm thủ tục khấu trừ.

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	20.000.000	-	-	-
Tạm ứng	3.319.756.794	-	2.412.724.522	-
Phải thu khác	862.042.194	-	143.634.247	-
- Thuế Giá trị gia tăng chưa kê khai	494.919.972	-	-	-
- Dự thu lãi tiền gửi	362.122.222	-	138.634.247	-
- Phải thu khác	5.000.000	-	5.000.000	-
	4.201.798.988	-	2.556.358.769	-

9 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Ban quản lý các Dự án Đầu tư Xây dựng Chuyên ngành Giao thông	40.207.008	40.207.008	339.539.540	40.207.008
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Kiên Giang	90.163.188	-	187.888.817	-
Các đối tượng khác	810.636.527	341.517.914	931.421.101	341.517.914
	941.006.723	381.724.922	1.458.849.458	381.724.922

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.201.751.558	-	16.805.215.211	-
Công cụ, dụng cụ	133.880.394	-	85.108.388	-
	14.335.631.952	-	16.890.323.599	-

11 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nâng cấp và cải tạo trạm cấp nước Kiên Lương	-	3.731.481.715
Hệ thống cấp nước Thạnh Đông A - Tân Hiệp	1.269.221.381	518.135.901
Sửa chữa hàng rào, nhà bảo vệ xí nghiệp Chi nhánh Hà Tiên	-	127.269.595
Di dời tuyến ống cấp nước Chi nhánh số 4	-	581.378.015
Xây dựng các hạng mục khác	10.186.739	5.135.000
	1.279.408.120	4.963.400.226

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	160.476.410.290	67.837.397.703	493.264.131.559	613.504.292	205.501.983	722.396.945.827
- Mua trong năm	-	1.755.496.944	-	119.700.000	-	1.875.196.944
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	7.833.566.859	11.526.213.245	8.784.268.741	-	-	28.144.048.845
- Tạm tăng Tài sản theo biên bản bàn giao của BQL Dự án Phú Quốc	-	-	18.623.379.055	-	-	18.623.379.055
- Thanh lý, nhượng bán	-	(318.744.446)	-	-	-	(318.744.446)
Số dư cuối năm	168.309.977.149	80.800.363.446	520.671.779.355	733.204.292	205.501.983	770.720.826.225
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	73.183.536.466	38.605.127.361	117.285.682.667	613.504.292	203.037.423	229.890.888.209
- Khấu hao trong năm	8.269.482.005	3.641.086.407	26.164.723.453	6.650.000	2.464.560	38.084.406.425
- Thanh lý, nhượng bán	-	(318.744.446)	-	-	-	(318.744.446)
Số dư cuối năm	81.453.018.471	41.927.469.322	143.450.406.120	620.154.292	205.501.983	267.656.550.188
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	87.292.873.824	29.232.270.342	375.978.448.892	-	2.464.560	492.506.057.618
Tại ngày cuối năm	86.856.958.678	38.872.894.124	377.221.373.235	113.050.000	-	503.064.276.037

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 92.542.045.901 VND.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	5.667.335.026	452.266.696	6.119.601.722
Số dư cuối năm	<u>5.667.335.026</u>	<u>452.266.696</u>	<u>6.119.601.722</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.193.184.341	273.765.065	1.466.949.406
- Khấu hao trong năm	103.990.836	63.799.992	167.790.828
Số dư cuối năm	<u>1.297.175.177</u>	<u>337.565.057</u>	<u>1.634.740.234</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4.474.150.685	178.501.631	4.652.652.316
Tại ngày cuối năm	<u>4.370.159.849</u>	<u>114.701.639</u>	<u>4.484.861.488</u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 993.097.781 VND.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất làm văn phòng An Thới - Phú Quốc	56.000.000	56.000.000
	<u>56.000.000</u>	<u>56.000.000</u>
b) Dài hạn		
Chi phí đồng hồ nước chờ phân bổ	657.265.866	665.439.777
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.616.430.724	1.183.155.399
Chi phí lắp đặt, sửa chữa ống nhánh	5.133.024.967	4.631.265.936
Chi phí sửa chữa tài sản	1.490.264.384	1.846.900.210
Các khoản khác	362.862.270	200.183.902
	<u>9.259.848.211</u>	<u>8.526.945.224</u>

15 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
Nguồn vốn từ Ngân hàng Phát triển Châu Á	8.981.058.000	8.981.058.000	8.981.058.000	8.981.058.000	8.981.058.000	8.981.058.000
Nguồn vốn từ Cơ quan Phát triển Pháp	1.971.732.000	1.971.732.000	1.971.732.000	1.971.732.000	1.971.732.000	1.971.732.000
	10.952.790.000	10.952.790.000	10.952.790.000	10.952.790.000	10.952.790.000	10.952.790.000
b) Vay dài hạn						
Nguồn vốn từ Ngân hàng Phát triển Châu Á (i)	98.791.636.558	98.791.636.558	-	8.981.058.000	89.810.578.558	89.810.578.558
Nguồn vốn từ Cơ quan Phát triển Pháp (ii)	16.759.732.513	16.759.732.513	-	1.971.732.000	14.788.000.513	14.788.000.513
Nguồn vốn từ Hiệp hội Phát triển quốc tế (iii)	210.656.605.439	210.656.605.439	37.096.087.936	-	247.752.693.375	247.752.693.375
	326.207.974.510	326.207.974.510	37.096.087.936	10.952.790.000	352.351.272.446	352.351.272.446
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(10.952.790.000)	(10.952.790.000)	(10.952.790.000)	(10.952.790.000)	(10.952.790.000)	(10.952.790.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	315.255.184.510	315.255.184.510			341.398.482.446	341.398.482.446

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(i): Khoản vay hỗ trợ từ Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) theo Hiệp định vay phụ ký với Bộ Tài chính ngày 26/07/2002 để đầu tư Dự án cấp nước vệ sinh các thị xã, thị trấn lần thứ ba với hạn mức vay là 7.077.000 USD. Thời hạn vay là 22 năm trong đó có 6 năm ân hạn bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên của Dự án. Lãi suất cho vay là 6%/năm, lãi suất quá hạn là 7,8%/năm. Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2016 là 89.810.578.558 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2017 là 8.981.058.000 VND;

(ii): Khoản vay hỗ trợ từ Cơ quan Phát triển Pháp nhận nợ với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Kiên Giang theo hợp đồng vay vốn ODA số 01/2008/HDODA-NHPTVN ngày 30/07/2008, để đầu tư Dự án cấp nước và vệ sinh thị xã Rạch Giá - Kiên Giang với hạn mức vay là 1.863.000 EUR. Thời hạn vay là 22 năm, ân hạn 6 năm gốc và lãi. Lãi suất cho vay là 5,8%/năm, phí cho vay lại của Ngân hàng Phát triển Việt Nam là 0,2%/năm, lãi quá hạn là 8,8%/năm. Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2016 là 14.788.000.513 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2017 là 1.971.732.000 VND;

(iii): Khoản vay hỗ trợ từ Hiệp hội Phát triển Quốc tế (IDA) thuộc Ngân hàng Thế giới (WB) nhận nợ với Bộ Tài chính theo Hiệp định vay phụ ký ngày 28/12/2011, để đầu tư Dự án cấp nước huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang thuộc Dự án Cấp nước và Nước thải Đô thị với hạn mức vay là 10.651.000 USD. Thời hạn vay là 20 năm, ân hạn 5 năm bắt đầu từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay là 6,75%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2016 là 247.752.693.375 VND.

12/12/2016

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	10.805.808.589	10.805.808.589	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.503.811.904	7.733.559.143	9.860.000.000	-	377.371.047
Thuế thu nhập cá nhân	-	97.342.492	294.014.453	266.323.936	-	125.033.009
Thuế tài nguyên	-	110.825.508	1.590.397.258	1.546.016.558	-	155.206.208
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	117.504.756	646.357.747	763.862.503	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.812.474	6.812.474	-	-
	-	2.829.484.660	21.076.949.664	23.248.824.060	-	657.610.264

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.783.986.159	2.075.508.412
Chi phí phải trả khác	84.806.124	136.237.570
	2.868.792.283	2.211.745.982

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	5.382.715	5.382.717
Bảo hiểm xã hội	944.690.126	1.297.500
Bảo hiểm y tế	169.395.149	-
Bảo hiểm thất nghiệp	75.686.378	-
Phí nước thải phải trả (*)	1.622.020.371	1.420.070.933
Các khoản phải trả, phải nộp khác	224.090.200	242.985.694
	3.041.264.939	1.669.736.844
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	990.499.039	528.076.764
	990.499.039	528.076.764

(*): Theo quy định tại Quyết định 34/2012/QĐ-UBND ngày 26/11/2012 của UBND tỉnh Kiên Giang, mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt được tính bằng 6% trên giá tiền nước sạch sinh hoạt chưa bao gồm thuế GTGT. Công ty được giữ lại 8% trên tổng số tiền thu được để trang trải cho các hoạt động thu phí nước thải (Chi phí cho các hoạt động này được theo dõi trên khoản mục Phải thu khác), 92% còn lại được nộp về Ngân sách tỉnh và theo dõi trên khoản mục các khoản phải trả, phải nộp khác.

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	246.774.000.000	10.002.074.449	8.435.582.001	265.211.656.450
Lãi trong năm trước	-	-	24.872.388.263	24.872.388.263
Phân phối lợi nhuận	-	7.461.716.479	(25.256.717.992)	(17.795.001.513)
Số dư cuối năm trước	246.774.000.000	17.463.790.928	8.051.252.272	272.289.043.200
Lãi trong năm nay	-	-	32.777.872.174	32.777.872.174
Phân phối lợi nhuận (*)	-	9.833.361.652	(28.301.780.304)	(18.468.418.652)
Số dư cuối năm	246.774.000.000	27.297.152.580	12.527.344.142	286.598.496.722

(*): Lợi nhuận sau thuế của Công ty được tạm phân phối theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, cụ thể như sau:

Trích lập:

- Quỹ đầu tư phát triển	9.833.361.652
- Quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	357.000.000
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.060.166.380
- Nộp lợi nhuận năm 2015 về Ngân sách Nhà nước	8.051.252.272
Tổng Cộng	28.301.780.304

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016 VND	Tỷ lệ %	01/01/2016 VND	Tỷ lệ %
UBND tỉnh Kiên Giang	246.774.000.000	100,00	246.774.000.000	100,00
	<u>246.774.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>246.774.000.000</u>	<u>100,00</u>

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

Số nợ phải thu về tiền nước từ năm 2005 đến năm 2010 đã trích lập dự phòng 100%, được xử lý xóa nợ trong năm 2015 là 395.152.200 VND căn cứ theo Quyết định số 20/QĐ-CTN ngày 20/05/2015 về việc thành lập hội đồng xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi và Biên bản về việc xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi của hội đồng xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi ngày 25/05/2015.

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán nước máy	197.546.234.477	155.238.918.771
Doanh thu lắp ống nhánh và thuê bao đồng hồ	4.697.658.482	7.710.015.686
Doanh thu thi công công trình nước	4.245.466.034	5.434.666.154
Doanh thu khác	1.400.000	-
	206.490.758.993	168.383.600.611

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn nước máy	123.135.605.861	106.237.317.272
Giá vốn lắp ống nhánh và thuê bao đồng hồ	2.936.223.107	2.244.411.090
Giá vốn xây lắp công trình nước	3.591.205.327	3.963.217.579
	129.663.034.295	112.444.945.941

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.651.617.623	1.784.675.868
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.843.635.600	2.470.581.200
	4.495.253.223	4.255.257.068

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.426.799.787	5.035.480.183
Chi phí nhân công	2.207.732.056	2.037.034.648
	7.634.531.843	7.072.514.831

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	474.093.137	344.343.935
Chi phí nhân công	6.052.389.225	4.618.280.781
Thuế, phí và lệ phí	653.170.221	12.784.240
Hoàn nhập dự phòng	(517.842.735)	(225.544.444)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	606.127.273	215.000.000
Chi phí khác bằng tiền	6.414.954.999	3.967.934.902
	13.682.892.120	8.932.799.414

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Hoàn nhập dự phòng phải trả	-	101.631.000
Nhận tiền bồi thường tài sản	-	2.048.435.155
Ủy Ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn năm 2016	3.142.000.000	-
Thanh lý tài sản cố định	63.636.364	-
Các khoản khác	382.695.967	85.718.900
	3.588.332.331	2.235.785.055

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	40.511.431.317	31.202.086.296
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.843.635.600)	(2.470.581.200)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(1.843.635.600)	(2.470.581.200)
Thu nhập chịu thuế TNDN	38.667.795.717	28.731.505.096
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.733.559.143	6.320.931.121
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	8.766.912
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.503.811.904	2.379.339.848
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(9.860.000.000)	(6.205.225.977)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	377.371.047	2.503.811.904

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.662.816.513	-	59.626.112.196	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	26.009.440.545	(559.281.801)	22.413.990.996	(1.077.124.536)
Đầu tư dài hạn	10.065.000.000	-	4.565.000.000	-
	110.737.257.058	(559.281.801)	86.605.103.192	(1.077.124.536)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	352.351.272.446	326.207.974.510
Phải trả người bán, phải trả khác	5.186.541.997	7.025.712.570
Chi phí phải trả	2.868.792.283	2.211.745.982
	360.406.606.726	335.445.433.062

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và tương đương tiền	74.662.816.513	-	-	74.662.816.513
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.450.158.744	-	-	25.450.158.744
Đầu tư dài hạn	-	-	10.065.000.000	10.065.000.000
	100.112.975.257	-	10.065.000.000	110.177.975.257

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và tương đương tiền	59.626.112.196	-	-	59.626.112.196
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.336.866.460	-	-	21.336.866.460
Đầu tư dài hạn	-	-	4.565.000.000	4.565.000.000
	80.962.978.656	-	4.565.000.000	85.527.978.656

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	10.952.790.000	120.831.334.900	220.567.147.546	352.351.272.446
Phải trả người bán, phải trả khác	4.196.042.958	990.499.039	-	5.186.541.997
Chi phí phải trả	2.868.792.283	-	-	2.868.792.283
	18.017.625.241	121.821.833.939	220.567.147.546	360.406.606.726
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	10.952.790.000	54.763.950.000	260.491.234.510	326.207.974.510
Phải trả người bán, phải trả khác	6.497.635.806	528.076.764	-	7.025.712.570
Chi phí phải trả	2.211.745.982			2.211.745.982
	19.662.171.788	55.292.026.764	260.491.234.510	335.445.433.062

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	37.096.087.936	98.411.315.340

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	10.952.790.000	10.952.790.000

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kiên Giang Công ty liên kết	1.134.885.600	1.683.081.200

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	2.733.697.809	2.215.591.441

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

		
Nguyễn Thái Hoàn Người lập biểu Kiên Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2017	Ngô Hoàng Tuấn Kế toán trưởng	Nguyễn Hữu Hoài Phương Giám đốc



Phần II

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Số: 1595/2017/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Kiên Giang ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và phát hành báo cáo kiểm toán vào ngày 28 tháng 03 năm 2017 trình bày ý kiến ngoại trừ về báo cáo tài chính.

Trong quá trình kiểm toán về báo cáo tài chính, chúng tôi cũng xem xét tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với việc tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu đối với việc tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến về tính hữu hiệu về hệ thống kiểm soát nội bộ dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế về các dịch vụ Đảm bảo (ISAE) 3000 (Sửa đổi). Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch, thực hiện các thủ tục để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Công ty đã duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu, trên các khía cạnh trọng yếu, đối với việc tuân thủ các yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính cũng như hệ thống kiểm soát nội bộ của báo cáo tài chính.

Công việc của chúng tôi bao gồm việc tìm hiểu, kiểm tra và đánh giá hiệu quả thiết kế và vận hành của hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện các thủ tục khác mà chúng tôi cho là cần thiết trong bối cảnh của Công ty để có được đầy đủ bằng chứng thích hợp cho ý kiến của chúng tôi.

Do hạn chế vốn có của kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính, bao gồm cả khả năng thông đồng hoặc kiểm soát không phù hợp, dẫn đến các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót có thể xảy ra và không thể ngăn ngừa hoặc phát hiện một cách thường xuyên. Ngoài ra, các kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính trong tương lai cũng sẽ tùy thuộc vào các rủi ro mà hệ thống kiểm soát nội bộ chưa được cập nhật phù hợp, do những thay đổi về bối cảnh hoặc mức độ không tuân thủ với các chính sách, thủ tục đã được thiết lập.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 (bao gồm cả số liệu so sánh) không bao gồm số liệu của Ban Quản lý Dự án Cấp nước Phú Quốc – Đơn vị trực thuộc Công ty.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên các khía cạnh trọng yếu, Công ty đã duy trì hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo các vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu không còn chứa đựng trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2013-002-1
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

[Signature]

Nguyễn Diệu Trang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0938-2013-002-1

Phần III

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ

IN
N
N

Số: 1595/2017/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ TÍNH TUÂN THỦ

**Kính gửi: Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Kiên Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Kiên Giang ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế và phát hành báo cáo kiểm toán vào ngày 28 tháng 03 năm 2017 trình bày ý kiến ngoại trừ về báo cáo tài chính.

Trong quá trình kiểm toán về báo cáo tài chính, chúng tôi cũng đã kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, các quy định có liên quan đến hoạt động của Công ty có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 ("Yêu cầu").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật, các quy định và các điều khoản có liên quan đến Yêu cầu.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là trình bày ý kiến về việc tuân thủ các Yêu cầu của Công ty dựa trên các thủ tục của chúng tôi. Trách nhiệm của chúng tôi cũng bị giới hạn bởi các thử nghiệm tuân thủ các Yêu cầu, nên sẽ không bao gồm toàn bộ các thử nghiệm tuân thủ tất cả các luật và quy định có thể áp dụng đối với Công ty.

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán phù hợp với yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế về các dịch vụ Đảm bảo (ISAE) 3000 (Sửa đổi). Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy định của đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch, thực hiện các thủ tục để có được sự đảm bảo hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, Công ty đã tuân thủ các Yêu cầu.

Dịch vụ đảm bảo báo cáo về tính tuân thủ với những Yêu cầu bao gồm các thủ tục thực hiện để thu thập các bằng chứng đánh giá mọi hoạt động của Công ty có chứa đựng những vi phạm trọng yếu về tính tuân thủ theo Yêu cầu của Công ty hay không, bao gồm việc tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến tính tuân thủ theo Yêu cầu của Công ty. Các thủ tục được lựa chọn phụ thuộc vào xét đoán của chúng tôi, bao gồm việc đánh giá các rủi ro mà Công ty có thể không tuân thủ các Yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến báo cáo tài chính. Các thủ tục của chúng tôi cũng bao gồm các thử nghiệm tuân thủ các yêu cầu mà chúng tôi cho là cần thiết để đảm bảo hợp lý rằng Công ty đã tuân thủ các Yêu cầu.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 (bao gồm cả số liệu so sánh) không bao gồm số liệu của Ban Quản lý Dự án Cấp nước Phú Quốc – Đơn vị trực thuộc Công ty. Việc lập Báo cáo tài chính toàn Công ty không bao gồm số liệu của đơn vị trực thuộc là chưa phù hợp với quy định của chế độ kế toán hiện hành.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên các khía cạnh trọng yếu, Công ty đã tuân thủ pháp luật, các Yêu cầu có ảnh hưởng trực tiếp và trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2013-002-1
Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Diệu Trang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0938-2013-002-1

Phần IV

THƯ QUẢN LÝ

NƯỚC KIÊN GIANG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



Nội dung

Trang

- 1 . Tình hình thực hiện các khuyến nghị năm trước

37



1 . Tình hình thực hiện các khuyến nghị năm trước

STT	Các đề xuất	Tình hình thực hiện
1	Công ty cần tăng cường phối hợp giữa các phòng ban, nhằm đẩy nhanh công tác luân chuyển chứng từ. Các hồ sơ nghiệm thu quyết toán công trình hoàn thành tại các Ban Quản lý Dự án, các Đội xây lắp... cần được quy định thời hạn phải chuyển về Phòng Kế toán để kịp thời thực hiện các thủ tục thanh quyết toán với nhà thầu và hạch toán các nghiệp vụ có liên quan.	Chưa thực hiện.
2	Công ty cần thu thập, rà soát Báo cáo tài chính của Ban Quản lý dự án Cấp nước Phú Quốc và cộng gộp số liệu của Ban Quản lý vào Báo cáo tài chính Công ty, loại trừ các khoản công nợ và giao dịch nội bộ trên Báo cáo tài chính tổng hợp để đảm bảo việc phản ánh đầy đủ, chính xác tình hình tài chính của Công ty.	Chưa thực hiện.
3	Công ty nên đăng ký thay đổi về mức vốn điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.	Chưa thực hiện.

